TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/DS-ST
Ngày: 12 - 3 - 2024
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Hiện
2. Ông Nguyễn Thanh Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tài – Kiểm sát viên

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 417/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2024/QĐST–DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thi M, sinh năm: 1980. Địa chỉ: 281/1 ấp ĐT, xã TP, huyện TP, tỉnh BT.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Trịnh Thị N, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp GHC, xã GT, huyện TP, tỉnh BT. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị Đ, sinh năm: 1984 và ông Trần Văn T, sinh năm 1980. Địa chỉ: 182/4 ấp TH A, xã TH, huyện TP, tỉnh BT (vắng mặt không có lí do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - bà Trịnh Thị N trình bày:*

Vào năm 2021 bà Bùi Thị Đ và chồng ông Trần Văn T có vay của bà M số tiền 50.000.000 đồng. Lãi xuất hai bên thỏa thuận là 02%/tháng. Mục đích vay để phục vụ cuộc sống gia đình chung. Thời hạn vay tự thỏa thuận, sau đó bà Đ đóng lãi không đúng thỏa thuận. Cho đến ngày 15/02/2023 bà Đ và có làm biên nhận nợ

còn nợ tiền vay bà M tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi 15.000.000 đồng. Sau khi chốt nợ các bên có thỏa thuận là 05 tháng phải trả nợ nhưng sau đó bà Đ và chồng ông T vẫn không trả theo thỏa thuận.

Khi khởi kiện Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú giải quyết buộc bà Bùi Thị Đ và ông Trần Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà M số tiền gốc 6.161.000 đồng và tiền lãi là 6.161.000 đồng, tổng cộng 71.161.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh số tiền gốc 50.000.000 đồng từ ngày 30/9/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi xuất 1.66%/tháng.

Nay bà Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú giải quyết buộc bà Bùi Thị Đ và ông Trần Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà M số tiền gốc 65.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 16/02/2023 đối với tiền gốc 50.000.000 đồng với lãi xuất 1.66%/tháng cho đến khi giải quyết xong vụ án.

**Trong quá trình tố tụng bị đơn bà Bùi Thị Đ trình bày:*

Khoảng năm 2021 bà có vay của bà M số tiền 50.000.000 đồng mục đích vay để có vốn làm ăn, phát triển kinh tế gia đình chung. Lãi xuất hai bên thỏa thuận mỗi tháng bà và ông T chồng bà trả cho bà M 2.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 tháng phải trả nợ gốc. Sau khi vay bà và ông T có đóng lãi cho bà M nhiều lần bà không nhớ số tiền lãi đã đóng, do làm ăn không được nên vợ chồng bà không trả tiền gốc cho bà M đúng hạn. Ngày 15/02/2023 bà và bà M có chốt lại số tiền mà bà còn nợ bà M là 50.000.000 đồng tiền gốc và 65.000.000 đồng tiền lãi. Sau khi chốt nợ bà có trả được cho bà M 3.000.000 đồng thì không trả được nữa, khi trả 3.000.000 đồng các bên không làm giấy tờ nên bà không yêu cầu xem xét.

Nay bà M khởi kiện bà và ông T trả số tiền 65.000.000 đồng thì bà và ông T đồng ý trả, đối với tiền lãi phát sinh bà xin được không trả lãi do đang khó khăn trong cuộc sống. Đối với số tiền 65.000.000 đồng bà và chồng bà xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi nào hết nợ.

Đối với số tiền lãi bà đã đóng cho bà M bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết do các bên tự nguyện thỏa thuận đóng lãi.

Bị đơn ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có lời trình bày .

** Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm*:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố

tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 117, 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự và Điều 27 luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị M về việc buộc bà Bùi Thị Đ và ông Trần Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà M tiền vay là 65.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị M yêu cầu bị đơn bà Bùi Thị Đ và ông Trần Văn T trả tiền vay nên xác định đây là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Bùi Thị Đ và ông Trần Văn T có nơi cư trú tại xã TH, huyện TP, tỉnh BT nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[2] Về tố tụng: Bà Bùi Thị Đ và ông Trần Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Thị M cầu bị đơn bà Bùi Thị Đ và ông Trần Văn T phải có nghĩa vụ trả số tiền vay là 65.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 16/02/2023 đối với tiền gốc 50.000.000 đồng với lãi xuất 1.66%/tháng cho đến khi giải quyết xong vụ án.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng vay tài sản được xác lập giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và bà Bùi Thị Đ được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Khi khởi kiện nguyên đơn Nguyễn Thị M cung cấp 01 biên nhận mượn tiền ngày 15/02/2023 thể hiện bà Bùi Thị Đ mượn bà Nguyễn Thị M 65.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đ thừa nhận nội dung biên nhận trên và hiện có nợ bà M số tổng số tiền 65.000.000 đồng (Trong đó: tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi 15.000.000 đồng). Vì vậy, nguyên đơn không cần phải chứng minh cho số tiền 65.000.000 đồng mà bị đơn còn nợ theo yêu cầu khởi kiện của mình được quy định tại khoản 2, 3 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ và nguyên đơn, bị đơn thống nhất hợp đồng vay trên là hợp đồng vay có lãi nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn được chấp nhận.

Lãi suất được tính như sau:

- Từ ngày 16/02/2023 đến ngày 12/3/2024 là 12 tháng 26 ngày. Nên lãi suất là: Số tiền gốc 50.000.000 đồng x 1.66% x 12 tháng 26 ngày = 10.679.000 đồng.

[6] Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị M buộc trách nhiệm liên đới giữa bà Bùi Thị Đ và chồng ông Trần Văn T: Quá trình giải quyết ông T không có ý kiến trươc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà Đ thừa nhận bà và ông T là vợ chồng hiện đang sống chung nhà, bà Đ vay tiền của bà M để làm ăn phát triển kinh tế gia đình chung. Nên theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng. Hội đồng xét xử xét thấy khi bà Đ thực hiện giao dịch dân sự với bà M thì bà Đ và ông T là vợ chồng được pháp luật công nhận tức việc bà Đ vay tài sản của bà M được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân giữa bà M và ông T số tiền vay để phục vụ kinh tế gia đình chung nên cần buộc trách nhiệm liên đới của ông T cùng bà Đ trả số tiền vay cho bà M là có căn cứ.

Từ những căn cứ trên, việc bà M yêu cầu bà Đ và ông T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi tổng cộng 25.679.000 đồng, tổng cộng 75.679.000 đồng là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về cách thức trả nợ của bị đơn bà Bùi Thị Đ: Bà Đ cho rằng do hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn, nên xin được trả 3.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi nào hết nợ trên, yêu cầu của bà Đ không được đại diện ủy quyền của nguyên đơn đồng ý, khi thực hợp đồng vay các bên không có thỏa thuận trên. Do bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà M trong một thời gian dài đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà M, nên yêu cầu trả dần của bà Đ không được Hội đồng xét xử chấp nhận

[8] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đối với bị đơn bà Bùi Thị Đ và ông Trần Văn T. Buộc bà Bùi Thị Đ và ông Trần Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 75.679.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị M được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.779.025 đồng theo biên lai thu số 0000227 ngày 09/10/2023.

Bà Bùi Thị Đ và ông Trần Văn T có nghĩa vụ liên đới nộp 3.784.000 đồng.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Thạnh Phú (2b);
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú(1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thúy